

**PHỤ LỤC 2b: DANH MỤC TÀI SẢN MÁY BIẾN ÁP THANH LÝ ĐỢT 1/2026 thuộc chất
thải nguy hại**

Stt	Công suất	Đơn vị tính	Số lượng	Số máy	Hiệu máy	Mã tài sản	Năm sản xuất	Mã CTNH
	(kVA)							
I	Tại trụ sở chính							
1	25	Cái	1	5091191-2	Thibidi	DNI-0018708	1995	170304
2	25	Cái	1	60221284-22	Thibidi	DNI-0018538	1996	170304
3	25	Cái	1	2100031	Cơ điện	DNI-0018465	2000	170304
4	25	Cái	1	21297171	Cơ điện	DNI-0018655	1997	170304
5	25	Cái	1	11021707-22	Thibidi	DNI-0018654	2001	170304
6	25	Cái	1	90221253-22	Thibidi	DNI-0018679	1999	170304
7	25	Cái	1	5091129-21	Thibidi	DNI-0018678	1995	170304
8	25	Cái	1	5111337-21	Thibidi	DNI-0018680	1995	170304
9	25	Cái	1	31221668-22	Thibidi	DNI-0018706	2003	170304
10	25	Cái	1	2049267	Cơ điện	DNI-0018650	1992	170304
11	25	Cái	1	20697226	Cơ điện	DNI-0018698	1997	170304
12	25	Cái	1	21291429	Cơ điện	DNI-0018693	1991	170304
13	25	Cái	1	20202148	Cơ điện	DNI-0018653	2002	170304
14	25	Cái	1	21199256	Cơ điện	DNI-0018651	1999	170304
15	25	Cái	1	80121045-22	Thibidi	DNI-0018652	1998	170304
16	25	Cái	1	60121083-22	Thibidi	DNI-0018649	1996	170304
17	25	Cái	1	80121044-22	Thibidi	DNI-0018656	1998	170304
II	Tại cơ sở 2							
1	15	Cái	1	S010399381	EMC	DNI-0002770	1999	170304
2	15	Cái	1	5022115009102	THI	DNI-0002772	2005	170304
3	15	Cái	1	8022115039303	THI	DNI-0002771	2008	170304
4	25	Cái	1	101250398	THI	DNI-0000304	2010	170304
5	25	Cái	1	8082125212786	THI	DNI-0000326	2008	170304
6	25	Cái	1	021005260	EMC	DNI-0008322	2005	170304
7	25	Cái	1	90821755-22	THI	DNI-0001621	1999	170304
8	50	Cái	1	AM040118420	EMC	DNI-0006969	2018	170304
9	50	Cái	1	4042150065079	THI	DNI-002527	2004	170304
10	37,5	Cái	1	01031722-22	THI	DNI-0001688	2001	170304
11	37,5	Cái	1	S030714246	EMC	DNI-0000593	2014	170304